

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH GIA LAI**

Số: 04/2018/QĐST- HNGĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Đ, ngày 11 tháng 01 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án Dân sự thụ lý số: 134/2017/TLST/HNGĐ ngày 14/12/2017 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” giữa

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Thanh N Sinh năm 1982

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn S Sinh năm 1991

Cùng địa chỉ : Thôn M, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai

Căn cứ vào Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Các Điều 144,147,212,213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82,83,84,110.116,117,118 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 01 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 01 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó;

QUYẾT ĐỊNH:

I- Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Thanh N Sinh năm 1982

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn S Sinh năm 1991

Cùng địa chỉ : Thôn M, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai

II- Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Thanh N và anh Nguyễn Văn S tự nguyện thuận tình ly hôn vì mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng kéo dài, tình cảm vợ chồng đã thực sự đổ vỡ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

2.Về con chung, nuôi con: Chị Phạm Thị Thanh N và anh Nguyễn Văn S thừa nhận có 01 con chung, tên: Nguyễn An N Sinh ngày 19/07/2015

Chị N và anh S tự nguyện thỏa thuận giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu N. Anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu N 2.000.000đ/ tháng.

Thời gian bắt đầu cấp dưỡng tính từ tháng 01/2018 cho đến khi con thành niên có khả năng lao động và tự lập được.

- Vì lợi ích của con chị N và anh S đều có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Anh S có quyền đi lại thăm nom con không ai được cản trở anh S thực hiện quyền này.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ Luật Dân sự năm 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật Dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh S tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị N tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về ly hôn là 150.000đ (Một trăm năm chục ngàn đồng) và 150.000đ (Một trăm năm chục ngàn đồng) án phí về cấp dưỡng nuôi con sung vào công quỹ Nhà nước. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002861 ngày 14/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ. (Chị N đã nộp đủ tiền án phí).

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo các quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

IV-Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKS ND huyện Đ
- TA tỉnh;
- Chi cục THADS;
- Các đương sự;
- UBND cấp CNKH
- Lưu HSVA.

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ
THẨM PHÁN**

Nguyễn Thị Kim Thoa